

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK



D R I

**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Buôn Ma Thuột, tháng 10 năm 2024



Số: 51./QĐ- HĐQT

TP. Buôn ma Thuột, ngày 24 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
“V/v ban hành Quy chế Công bố Thông tin”

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - Căn cứ Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - Căn cứ Quyết định số 877/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 05 tháng 8 năm 2024.
 - Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 09/ NQ-HĐQT ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc Thông qua sửa đổi , bổ sung Quy chế Công bố thông tin của DRI.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này là **“Quy chế Công bố thông tin Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk”**.

Điều 2: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc DRI, Người công bố thông tin và người được ủy quyền CBTT, các phòng ban công ty, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu của công ty có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3: Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ký. Quy chế này thay thế cho Quy chế công bố thông tin ban hành kèm theo quyết định số 38/QĐ-CT ngày 21/10/2021.

Nơi nhận: *Thail*

- Như điều 2;
- Đăng Web DRI;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Lương

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Tài liệu tham khảo	3
Điều 3. Các chữ viết tắt	4
Điều 4. Giải thích từ ngữ.....	4
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin.....	6
Điều 6. Phương tiện công bố thông tin.....	7
Điều 7: Tạm hoãn công bố thông tin.....	8
Chương II: LƯU ĐỒ VÀ NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	9
Điều 8. Lưu đồ thực hiện.....	9
Điều 9. Các nội dung công bố thông tin.....	10
Chương III: TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....	10
Điều 10. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các bộ phận liên quan..	11
Điều 11. Xử lý vi phạm về công bố thông tin	11
Điều 12. Thẩm quyền xử lý vi phạm	11
Điều 13. Triển khai thực hiện.....	11
PHỤ LỤC 01: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ	13
PHỤ LỤC 02: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG	17
PHỤ LỤC 03: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU.....	23
PHỤ LỤC 04: CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU	24
PHỤ LỤC 05: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	25
PHỤ LỤC 06: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC.....	26
PHỤ LỤC 07: CÁC MẪU BIỂU	29

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị trực thuộc, các bộ phận, phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người công bố thông tin;

b) Các bộ phận, phòng ban trực thuộc Công ty;

c) Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Quyết định số 877/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 05 tháng 8 năm 2024;

- Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021;

- Căn cứ Quy chế Đăng ký và Quản lý giao dịch chứng khoán chưa niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 34/QĐ-HĐTV ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 14 tháng 07 năm 2021;

- Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK HN ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDCK HN ngày 29 tháng 09 năm 2016 của Tổng giám đốc SGDCK HN;

- Căn cứ Tài liệu hướng dẫn sử dụng Hệ thống quản lý thông tin công ty dành cho công ty niêm yết/đăng ký giao dịch trên sàn HNX (CIMS);

- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 3. Các chữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk.
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- IDS : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN.
- SGDCK HN/HNX : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- CIMS : Hệ thống quản lý thông tin công ty của HNX.
- VSDC : Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- TTCKVN : Thị trường Chứng khoán Việt Nam.
- CBTT : Công bố thông tin.
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban Kiểm soát.
- TGD : Tổng giám đốc
- KTT : Kế toán trưởng.
- BCTC : Báo cáo tài chính.
- CĐL : Cổ đông lớn.
- CPQ : Cổ phiếu quỹ.
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- CTĐC : Công ty đại chúng.
- NY : Niêm yết.
- NNB : Người nội bộ.
- NCLQ : Người có liên quan.
- CTĐC QML : Công ty Đại chúng quy mô lớn.
- CTĐC NY : Công ty Đại chúng niêm yết.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Người nội bộ của công ty đại chúng* là:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bầu;

- Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ;

- Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

2. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.

3. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK HN hoặc ngày UBCKNN, SGDCK HN nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

4. Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán là ngày đặt lệnh giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

5. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

6. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ; văn bản hợp lệ phải đáp ứng được yêu cầu sau:

- Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.

- Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

7. Bản scan văn bản dùng CBTT phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

8. Dữ liệu điện tử dùng CBTT là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).

9. Người công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

10. Người có liên quan: Là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a/ Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;

b/ Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

c/ Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d/ Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e/ Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

f/ Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

11. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Ngôn ngữ Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Công ty thực hiện công bố thông tin định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2025 và công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu và công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2026.

3. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

5. Khi công bố thông tin, đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

6. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

7. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy



đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện công khai thông tin.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - Hệ thống CIMS.
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Cổng giao tiếp điện tử của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
5		Báo in, Báo điện tử, v.v...

a. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

b. Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn **03 (ba) ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

c. Trang thông tin điện tử được hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

Các tài liệu phải CBTT trên trang thông tin điện tử công ty gồm: Điều lệ Công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát, bảng cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ và bất thường theo quy định của thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

d. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 05 (năm) năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty công bố thông tin tối thiểu là 05 (năm) năm.

e. Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty công bố thông tin tối thiểu 05 (năm) năm.

f. Công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử trừ BCTC soát xét (bán niên & năm).

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin:

1. Công ty được tạm hoãn trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Trong trường hợp này Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà nội về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

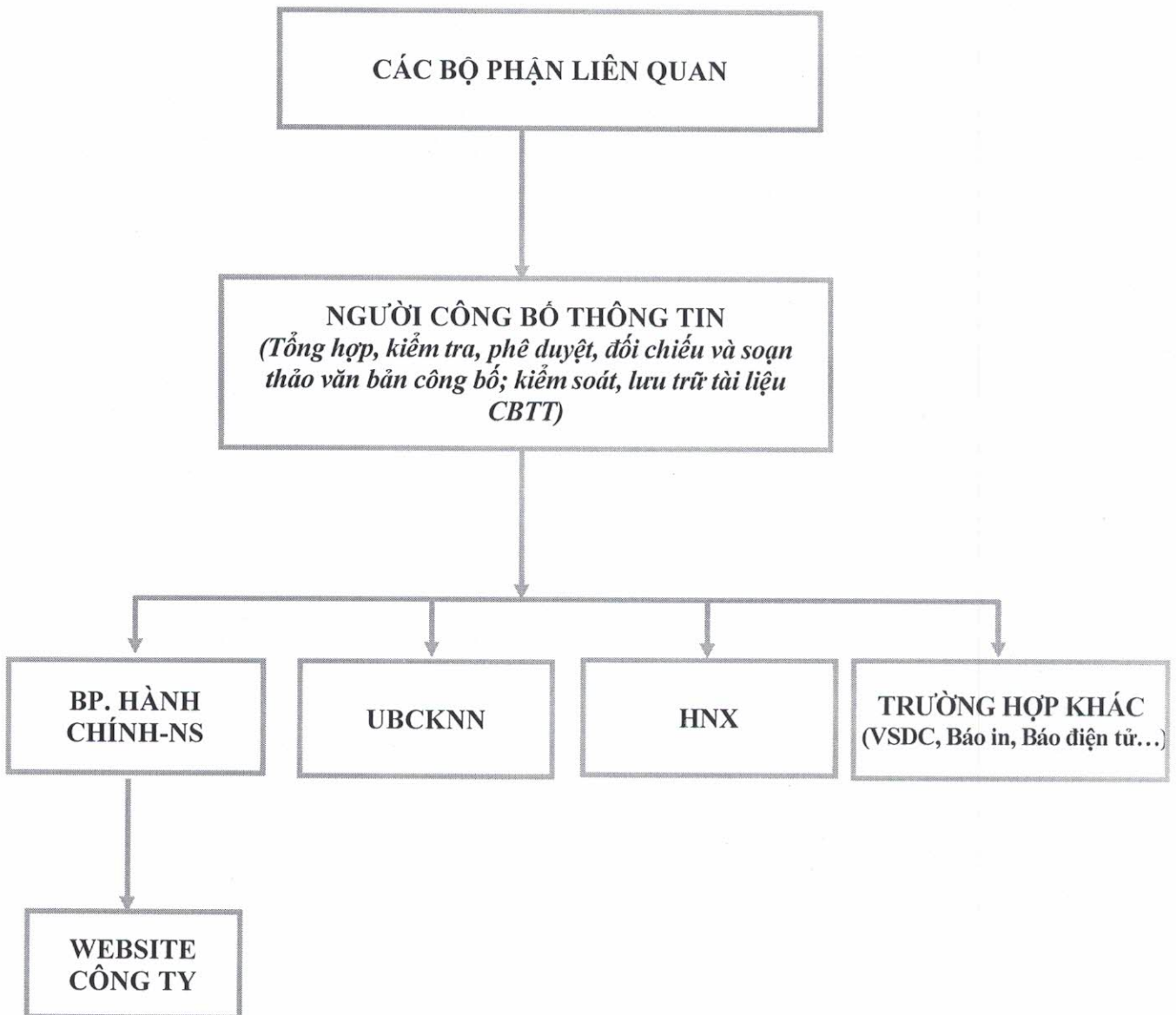
2. Ngay sau khi khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II: LƯU ĐỒ VÀ NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

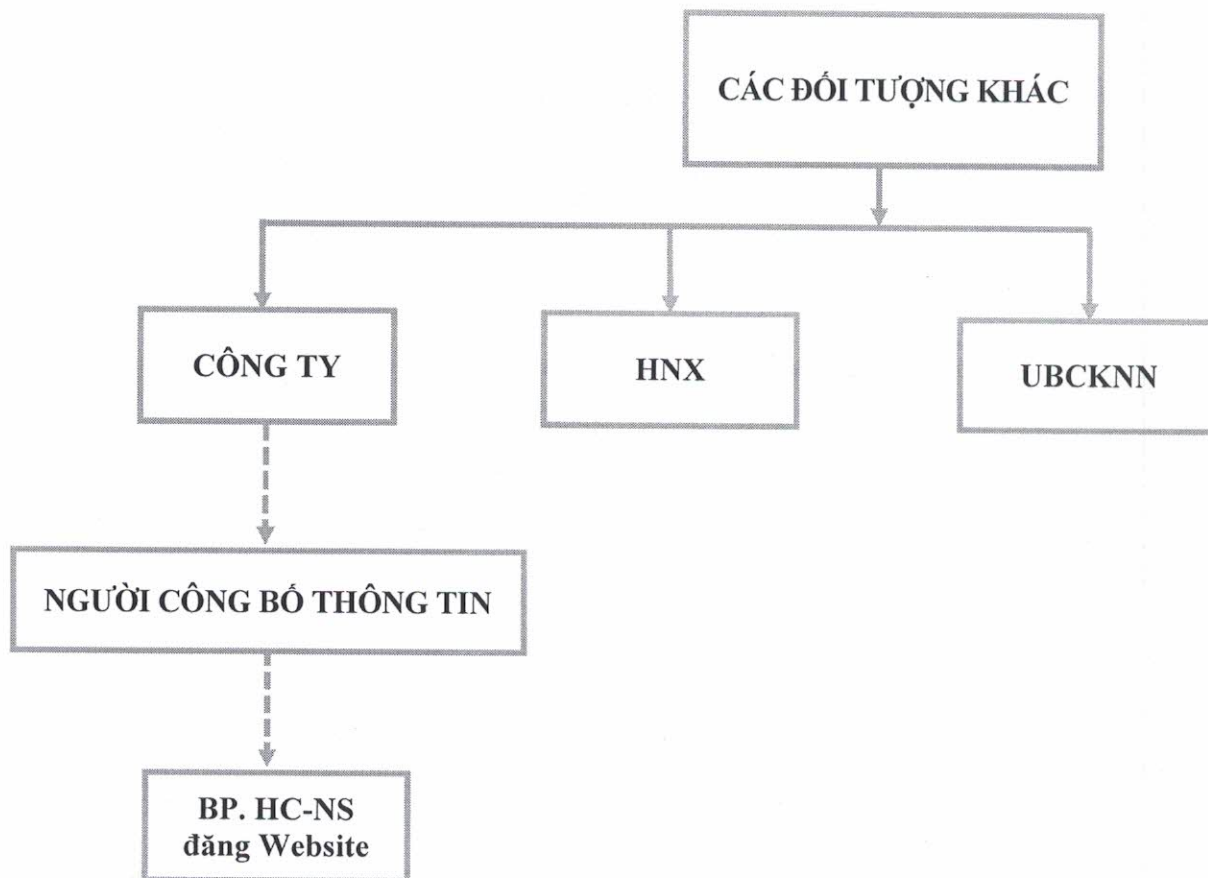
Điều 8. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này.

2. Lưu đồ thực hiện



3. Lưu đồ áp dụng đối với các đối tượng khác



Ghi chú: \longrightarrow : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HNX
 \dashrightarrow : Người Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát, chuyển Bộ phận HC-NS công bố lên Website công ty.

Điều 9. Các nội dung công bố thông tin

1. Các bộ phận liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 thực hiện CBTT theo quy định theo từng Phụ lục cụ thể trong Quy chế CBTT này:

- 1.1 Bộ phận Tài chính – Kế toán (TCKT);
- 1.2 Bộ phận Hành chính- Nhân sự (HC-NS);
- 1.3 Bộ phận Kỹ Thuật Sản xuất (KT-SX);
- 1.4 Bộ phận Kinh doanh xuất nhập khẩu (KDXNK)
- 1.5 Ban kiểm soát (BKS);
- 1.6 Thư ký HĐQT;
- 1.7 Người Quản trị Công ty (QTCT);
- 1.8 Thư ký cuộc họp ĐHCĐ.

2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế CBTT này.

Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 10. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các bộ phận liên quan

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các bộ phận chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy trình này. Trưởng các bộ phận chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người công bố thông tin.

3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các bộ phận liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.

4. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

Điều 11. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Tổng Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế công bố thông tin này.

4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 12. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người công bố thông tin: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc các bộ phận : Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

Điều 13. Triển khai thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này, thì những quy định pháp luật đó, đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

3. Quy chế này gồm 3 chương, 13 điều và 07 phụ lục đính kèm. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua.



PHỤ LỤC 01
CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk)

Số TT	Thông tin công bố	Theo mẫu	Trách nhiệm cung cấp	Thời hạn CBTT	Trách nhiệm CBTT	Nơi nhận CBTT	Hình thức văn bản	Nội dung chi tiết
I Báo cáo tài chính (Báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất)								
1	Báo cáo tài chính quý	Theo mẫu quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	BP. TCKT	Thời hạn tối đa là 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý	BP.TCKT phối hợp BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử	Lưu ý: Khi công bố thông tin Báo cáo tài chính phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau: - Kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính(Khoản 5 điều 11-TT96); - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét
2	Báo cáo tài chính bán niên <i>soát xét</i>	Theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	BP. TCKT	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính (hạn chót 29/8).	BP.TCKT phối hợp BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	- Bản BCTC gồm: BCTC riêng của DRI và BCTC hợp nhất) - Dữ liệu điện tử	
3	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	BP. TCKT	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính (hạn chót là 30/3 năm sau)	BP.TCKT phối hợp BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	- Bản BCTC -Dữ liệu điện tử	

								từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại. * Lưu ý: Việc giải trình nguyên nhân các sự kiện phát sinh trên cơ sở BCTC của Cty mẹ hoặc BCTC hợp nhất; (giải trình BCTC hợp nhất, nếu BCTC HN ko có phát sinh nhưng BCTC riêng có phát sinh thì vẫn phải giải trình)
II	Báo cáo thường niên							
1	Báo cáo thường niên	Mẫu 01-BCTN	Người được UQ.CBTT phối hợp cùng: - BP. TCKT - BP. HC-NS - BP. KDXNK - BP. KTSX - Ban kiểm soát	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính (hạn chót là 20/4 năm sau liền kề)	BP. HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử	
III	Báo cáo tình hình quản trị công ty							
1	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Mẫu 03-BCQT	Người được UQ.CBTT phối hợp cùng: - BP. TCKT - BP. HC-NS - Ban kiểm soát	Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch (hạn chót 30/7)	BP. HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử	
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Mẫu 03-BCQT	Người được UQ.CBTT phối hợp cùng: - BP. TCKT - BP. HC-NS	Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch (Hạn	BP. HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử	

			- Ban kiểm soát	chốt 30/1 năm sau liền kề)				
IV	Đại hội đồng cổ đông							
1	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội		BP.HC-NS	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	BP. HC-NS	- VSDC - UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Văn bản Dữ liệu điện tử	
2	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông		Thư ký HĐQT phối hợp cùng: - BP. TCKT - BP. HC-NS - BP. XDXNK - BP. KTSX - Ban kiểm soát	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	BP. HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử	
3	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.		Thư ký HĐQT phối hợp cùng: - BP. HC-NS	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	BP. HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử	
V	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản							
1	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông		BP.HC-NS	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử	
2	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết		Thư ký HĐQT	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử	
3	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc		Thư ký HĐQT Ban kiểm phiếu	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử	

	hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.			phiếu lấy ý kiến cổ đông				
VI	Danh sách cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ							
1	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch	Mẫu 06-DS	BP.HC-NS	Chậm nhất là ngày 30/07 (Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/06)	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GD&ĐT - Website C.ty	Dữ liệu điện tử	
2	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch	Mẫu 06-DS	BP.HC-NS	Chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo (Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/12)	BP.HC-NS		Dữ liệu điện tử	



PHỤ LỤC 02
CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk)

Số TT	Thông tin công bố	Theo mẫu	Trách nhiệm cung cấp	Thời hạn CBTT	Trách nhiệm CBTT	Nơi nhận CBTT	Hình thức văn bản
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.	BM 13- CBTT	BP. TCKT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	- Dữ liệu điện tử
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh	BM 13- CBTT	BP.HC-NS	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	- Dữ liệu điện tử
3	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Mẫu 10-DKDN	BP.HC-NS	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
4	Công bố thông tin về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động theo Phụ lục III - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN	Mẫu 10-DKDN	BP.HC-NS	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi cho SGDCKHN
5	Bị đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.	BM 13- CBTT	BP.HC-NS	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
6	Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ.	BM 13- CBTT	BP. TC-KT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử

7	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	BM 13- CBTT	BP.TC-KT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
8	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	BM 13- CBTT	BP. TC-KT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
9	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	BM 13- CBTT	BP.TC-KT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
10	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp. phá sản doanh nghiệp;	BM 13- CBTT	BP.TC-KT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
11	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty.	BM 13- CBTT	BP.HC-NS	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
12	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	BM 13- CBTT	BP.HC-NS	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
13	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.	BM 13- CBTT	Thư ký HĐQT Người PTQTCT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
14	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	BM 13- CBTT	Thư ký HĐQT phối hợp với : - P. TC-KT - P. HC-NS	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
15	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật).	BM 13- CBTT	BP.TC-KT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
16	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. (Công bố thông tin trong	BM 13- CBTT	BP.TC-KT	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử

	<i>trường hợp đặc biệt- chuyển lên 1 nhóm cho dễ theo dõi)</i>			đầu của năm tài chính mới.			
17	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng).	BM 13- CBTT	BP.TC-KT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
18	- Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký - Ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC. - Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC.	BM 13- CBTT	BP.TC-KT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
19	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	BM 11- MHCT	BP. TCKT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
20	Công ty đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính phải công bố thông tin sau khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký lại loại báo cáo tài chính khi thay đổi mô hình công ty (do tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết, dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc thành lập, giải thể đơn vị trực thuộc) theo mẫu Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN	BM 11 - MHCT	Thư ký HĐQT phối hợp với - BP.HC-NS - BP.TC-KT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
21	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan của	BM 13- CBTT	Thư ký HĐQT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử

	người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng.						
22	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:						
22.1	Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;	BM 13- CBTT	BP. TCKT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
22.2	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ.	BM 13- CBTT	BP.TCKT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
22.3	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán;	BM 13- CBTT	BP.TCKT	Trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng, trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
23	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ theo Quyết Phụ lục I - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021.	BM 07-NS	BP.HC-NS	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
24	Công ty nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị)	BM 07-NS	Thư ký HĐQT phối hợp cùng BP.HC-NS	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
25	Công ty gửi (Bản cứng) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có)	Mẫu 08 - NNB	BP.HC-NS	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
26	Đối với thông tin công bố về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ	Mẫu 07 - NS Mẫu 08 - NNB Gửi kèm quyết định/Nghị quyết về việc thay đổi nhân sự	Thư ký HĐQT phối hợp cùng BP.HC-NS	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử

27	Trường hợp có phát sinh thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty thực hiện báo cáo SGDCK theo Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021	Mẫu 08 – NNB Mẫu 09 - TB	Thư ký HĐQT phối hợp cùng BP.HC-NS	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
28	Quyết định mua, bán tài sản có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất.	BM 13- CBTT	BP.TC-KT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
29	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	BM 13- CBTT	BP.HC-NS	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
30	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty.	BM 13- CBTT	BP.HC-NS	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
31	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	BM 13- CBTT	BP.TCKT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
32	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	BM 13- CBTT	BP.HC-NS	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
33	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	BM 13- CBTT	Thư ký HĐQT phối hợp với: - BP.TC-KT - BP.KD-XNK; - BP. KTSX; - BP.HC-NS.	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
34	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	BM 13- CBTT	HĐQT Ban điều hành	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
35	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	BM 13- CBTT	BP.TC-KT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử



36	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	BM 13- CBTT	BP.TC-KT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
37	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào BCTC hợp nhất đối với trường hợp Công ty đại chúng là Công ty mẹ)	BM 13- CBTT	BP.TC-KT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
38	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	BM 13- CBTT	BP. TC-KT	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
39	Công ty gửi thông báo đến SGDCK về việc kết thúc việc công bố thông tin theo quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn	Mẫu 15 - KTCBTT	BP.HC-NS	Trong vòng 05 ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn công bố thông tin quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
40	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền		Các bộ phận có liên quan	Thực hiện công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/ngợi quyết và công bố thông tin Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	- Văn bản - Dữ liệu điện tử

PHỤ LỤC 03
CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk)

Số TT	Thông tin công bố	Theo mẫu	Trách nhiệm cung cấp	Thời hạn CBTT	Trách nhiệm CBTT	Nơi nhận CBTT	Hình thức văn bản
	Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi :						
1	Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	Văn bản	Người được UQ.CBTT phối hợp với các bộ phận liên quan	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	- Văn bản - Dữ liệu điện tử
2	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Văn bản	Người được UQ.CBTT phối hợp với các bộ phận liên quan	Trong thời hạn 24 giờ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử

PHỤ LỤC 04
CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ
CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU
(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Dầu tư Cao su Đắk Lắk)

Số TT	Thông tin công bố	Theo mẫu	Trách nhiệm cung cấp	Thời hạn CBTT	Trách nhiệm CBTT	Nơi nhận CBTT	Hình thức văn bản
1	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSDC, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	BM 05 -THQ	- Thư ký HĐQT - BP.HC-NS - BP.TC-KT - BP.KT-SX - BP.KD-XNK	- Chậm nhất 20 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ) - Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	- Dữ liệu điện tử
2	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy.	BM 13- CBTT	Thư ký	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	BP.HCNS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử

PHỤ LỤC 05
CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC
(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk)

Số TT	Thông tin công bố	Theo mẫu	Trách nhiệm cung cấp	Thời hạn CBTT	Trách nhiệm CBTT	Nơi nhận CBTT	Hình thức văn bản
1	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	BM 13- CBTT	BP. TC-KT	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	BP.HC-NS	- UBCKNN - Sở GDCK - Website C.ty	- Dữ liệu điện tử
2	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	BM 13- CBTT	BP.HC-NS BP. TC-KT	- Nếu chưa thực hiện thông báo tỷ lệ SHNN tối đa thì phải thông báo trước khi nộp hồ sơ niêm yết, chuyển niêm yết - Khi có sự thay đổi tỷ lệ SHNN tối đa (<i>thay đổi ngành nghề kinh doanh dẫn đến thay đổi TLSHNN tối đa, quy định của pháp luật, điều lệ công ty về TLSHNN tối đa</i>) phải CBTT trong thời hạn 30 ngày khi có sự thay đổi(điều 141- NĐ 155)	BP.HC-NS	- UBCKNN - Sở GDCK - VSD - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
3	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	BM 13- CBTT	BP. TC-KT	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty	Dữ liệu điện tử
4	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình	BM 13- CBTT	BP.TC-KT	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán	BP.HC-NS	- UBCK - Sở GDCK - Website C.ty - Chủ nợ	- Dữ liệu điện tử - Văn bản cứng (chủ nợ)

PHỤ LỤC 06

HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

- Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của CTĐC phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho CTĐC, UBCKNN và SGDCK theo mẫu quy định tại **Mẫu 16 – CĐL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong **thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho CTĐC, UBCKNN, SGDCK theo **Mẫu 17 – CĐL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này **trong thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do CTĐC mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

Ví dụ: nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

- CTĐC công bố trên website của công ty trong vòng **03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

2. CBTT về giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Người nội bộ của công ty đại chúng và người có liên quan của đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho CTĐC, UBCKNN

và SGDCK khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, NNB của công ty đại chúng và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và CTĐC về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu) theo **Mẫu 18 –NNB** kèm theo Quy chế này.

Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK (*Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai*).

Ghi chú: NNB của công ty đại chúng và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của công ty đại chúng và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và CTĐC về kết quả giao dịch theo **Mẫu 19 –NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

*** Ghi chú**

– NNB của công ty đại chúng và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.










– Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của công ty đại chúng và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.











– Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và CTĐC trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

– Trường hợp công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của công ty đại chúng (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty của Công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ.

– CTĐC công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của công ty đại chúng và NCLQ của NNB

PHỤ LỤC 07
CÁC MẪU BIỂU

STT	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
1	Mẫu 01 – BCTN	 Mau 01 - BCTN.docx	Báo cáo thường niên (<u>Thông tư số 96/2020/TT-BTC</u>)
2	Mẫu 02 – BCCTT	 Mau 02 - BCCTT.docx	Bản cung cấp thông tin người nội bộ (<u>Thông tư số 96/2020/TT-BTC</u>)
3	Mẫu 03 – BCQT	 Mau 03 - BCQT.docx	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm (<u>Thông tư số 96/2020/TT-BTC</u>)
4	Mẫu 04 – BC	 Mau 04 - BC.docx	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (<u>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</u>)
5	Mẫu 05 – THQ	 Mau 05 - THQ	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Quyết định số 09/QĐ-HĐTV ban hành ngày 10/08/2023)
6	Mẫu 06 – DS	 Mau 06 - DS	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn của Công ty đại chúng niêm yết/đăng ký giao dịch (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
7	Mẫu 07 – NS	 Mau 07 - NS	Thay đổi nhân sự (Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)
8	Mẫu 08 – NNB	 Mau 08 - NNB	Danh sách người nội bộ và người có liên quan (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
9	Mẫu 09 - TB	 Mau 09 - NNB	Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ (Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)

10	Mẫu 10 - DKDN	 Mau 10 - DKDN	Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động (Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)
11	Mẫu 11 - MHCT	 Mau 11 - MHCT	Thông báo (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)
12	Mẫu 12 - SLCP	 Mau 12 - SLCP	Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành (Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)
13	Mẫu 13 - CBTT	 Mau 13 - CBTT	Công bố thông tin bất thường (Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)
14	Mẫu 14 – QTCT	 Mau 14 - QTCT	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty (Công văn số 1433/SGDHN-QLNY ngày 17/06/2024)
15	Mẫu 15 – KT CBTT	 Mau 15 - CBTT	Thông báo về việc kết thúc nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn (Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)
16	Mẫu 16 - CDL	 Mau 16 - CDL.docx	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn <i>(Thông tư số 96/2020/TT-BTC)</i>
17	Mẫu 17 - CDL	 Mau 17 -CDL.docx	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết <i>(Thông tư số 96/2020/TT-BTC)</i>
18	Mẫu 18 - GD NNB	 Mau 18 -NNB.docx	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của của người nội bộ <i>(Thông tư số 96/2020/TT-BTC)</i>
19	Mẫu 19 - GD NNB	 Mau 19 - NNB.docx	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ <i>(Thông tư số 96/2020/TT-BTC)</i>

